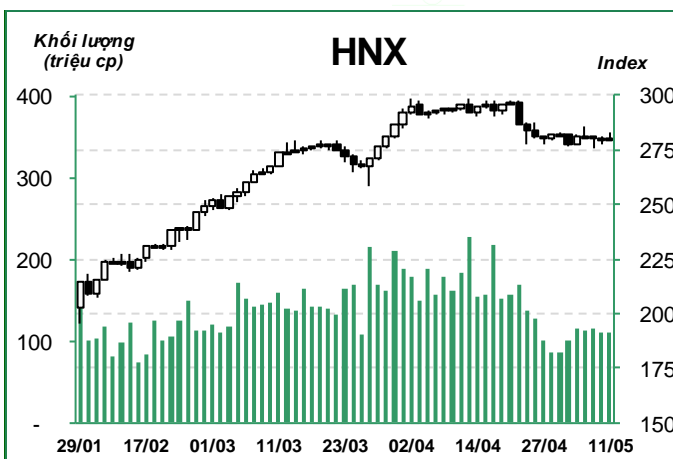
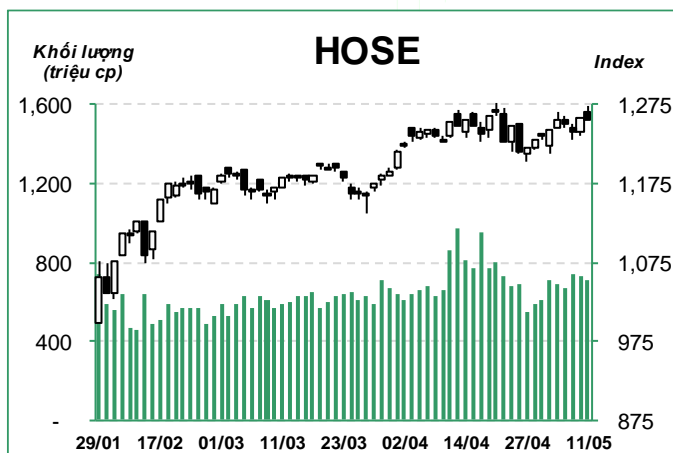


Tổng quan thị trường

11/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,256.04	-0.28%	1,359.19	-0.84%	279.76	-0.18%
Cuối tuần trước	1,241.81	1.15%	1,340.73	1.38%	279.86	-0.03%
Trung bình 20 ngày	1,244.60	0.92%	1,308.13	3.90%	285.39	-1.97%
Tổng KLGD (triệu cp)	770.09	-0.38%	273.00	-12.63%	112.19	-3.21%
KLGD khớp lệnh	709.54	-3.08%	262.05	-13.44%	110.16	0.21%
Trung bình 20 ngày	718.41	-1.24%	243.11	7.79%	129.77	-15.11%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	22,665.42	-2.02%	12,215.33	-14.79%	2,306.26	0.81%
GTGD khớp lệnh	20,787.56	-3.86%	11,808.67	-14.56%	2,271.08	3.82%
Trung bình 20 ngày	18,499.08	12.37%	10,814.10	9.20%	2,369.96	-4.17%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	261	56%	8	27%	121	33%
Số mã giảm	164	35%	21	70%	100	27%
Số mã đứng giá	40	9%	1	3%	146	40%



Tường chừng như thị trường sẽ tiếp tục có một ngày giao dịch khởi sắc của thị trường chứng khoán Việt Nam khi các chỉ số đi lên trong phần lớn thời gian giao dịch khi dòng tiền lan tỏa mạnh và sắc xanh được ghi nhận đồng thuận ở nhiều nhóm ngành. Tuy nhiên, bất ngờ xảy đến vào cuối phiên khi áp lực bán gia tăng tại vùng đỉnh lịch sử khiến VN-Index tuột dốc không phanh và chốt phiên trong sắc đỏ. Trong khi đó, chỉ số HNX-Index cũng không thể chốt phiên trên tham chiếu dù đã lấy lại sắc xanh ngay trước thềm phiên ATC. Giao dịch khối ngoại cũng đồng thuận với thị trường hôm nay khi khối này bán ròng trở lại trên cả 2 sàn.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa thấp nhất phiên tại mức 1,256.04 điểm (-0.28%). KLGD khớp lệnh đạt 709.5 triệu cổ phiếu (-3.1%), tương đương 20,788 tỷ đồng giá trị (-3.9%). Mặc dù đóng cửa trong sắc đỏ, độ rộng thị trường lại nghiêng nhiều về bên mua với 261 mã tăng/164 mã giảm.

Áp lực bán ồ ạt cuối phiên khiến một loạt các cổ phiếu Bluechips trong nhóm VN30 bất ngờ chuyển từ xanh mạnh sang đóng cửa trong sắc đỏ gây áp lực cho chỉ số. Trong đó, Vingroup-VIC (-1.1%), Techcombank-TCB (-2.3%), Vinamilk-VNM (-1.9%) và Vinhomes-VHM (-1.1%) gây sức ép nhiều nhất. Mặc dù vậy, thị trường vẫn có những điểm sáng với một số cổ phiếu ngân hàng tăng tốt như BIDV-BID (+1.7%), Ngân hàng Thương mại Quốc tế-VIB (+3.9%), VPBank-VPB (+1.1%) hay một số Bluechips có tín hiệu đảo chiều tích cực như Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+2.4%), Vietnam Airline-HVN (+3.8%), Sabeco-SAB (+1.1%). Trong khi đó, nhóm cổ phiếu midcap và penny cũng ghi nhận dòng tiền đổ vào ở nhiều nhóm ngành như cảng biển, BĐS khu công nghiệp, xây dựng,...

Khối ngoại đảo chiều bán ròng trở lại 294.0 tỷ đồng trên sàn HoSE. Dẫn đầu ở chiều bán ròng là các cổ phiếu Hòa Phát-HPG (-225.8 tỷ), Novaland-NVL (-162.6 tỷ) và Vingroup-VIC

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
DBC	4,839.7	271.02
MBB	5,000.0	154.50
VIB	2,750.0	150.98
ACB	3,000.0	116.10
HNG	10,150.0	108.68
MSB	4,300.0	94.82
SBT	3,000.0	57.30
HPX	1,586.0	53.88
KOS	2,000.0	51.70
NVL	365.0	46.17
HNX		
VC7	1,000.0	15.00
S99	453.5	8.75
AAV	400.0	6.00
DDG	118.0	4.04
PVS	60.0	1.38

(-57.2 tỷ). Trong khi đó, khối ngoại có động thái rút tiền vào các cổ phiếu ngân hàng trong phiên hôm nay khi tập trung mua ròng một số cổ phiếu như VPBank-VPB (+174.7 tỷ), Maritime Bank-MSB (+99.4 tỷ), Sacombank-STB (+45.8 tỷ).

Trên sàn HNX, HNX-Index cũng rơi xuống dưới tham chiếu vào cuối phiên và đóng cửa tại mức 279.76 điểm (-0.18%). KLGĐ khớp lệnh đạt 110.2 triệu cổ phiếu (+0.2%), tương đương 2,271.1 tỷ đồng giá trị (+3.8%).

Các trụ cột như Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-2.1%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (-2.4%), Vicostone-VCS (-0.9%) tiếp tục chuỗi ngày giảm điểm gây áp lực cho chỉ số. Bên cạnh đó, một số cổ phiếu tăng nóng trong những phiên gần đây như Chứng khoán VNDIRECT-VND (-2.4%), Ống thép Việt Đức-VGS (-4.5%) cũng bất ngờ bị chốt lời mạnh. Ở chiều ngược lại, sắc xanh hiện diện ở nhiều mã hơn với các cổ phiếu tăng điểm đáng chú ý như Ngân hàng Bắc Á-BAB (+2.0%), Idico-IDC (+1.5%) và Dầu khí PTSC-PVS (+1.4%).

Khối ngoại cũng trở lại vị thế bán ròng trên sàn HNX với giá trị ròng đạt 19.0 tỷ đồng. Với những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-7.0 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-4.0 tỷ), Tập đoàn PAN-PAN (-3.7 tỷ). Trong khi đó, khối ngoại mua ròng các cổ phiếu Bánh kẹo Bảo Ngọc-BNA (+4.3 tỷ), Chứng khoán Artex-ART (+1.3 tỷ) và Chứng khoán MB-MBS (+1.3 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì trên mức bình quân 10 phiên hàm ý dòng tiền vẫn ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số giữ vững mức đóng cửa trên MA5 và 20, cùng với +DI nổi rộng khoản cách lên phía trên so với -DI cho thấy xu hướng tăng vẫn tiếp diễn, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ là một phiên rung lắc kỹ thuật nhằm củng cố lại đà tăng. Chỉ số có thể sớm đi lên trở lại và hướng tới vùng đỉnh cũ quanh 1,280 – 1,285 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số có phiên giảm điểm trở lại nhưng vẫn được hỗ trợ mạnh mẽ bởi MA50, cùng với chỉ số đang vận động với các nền thân nhỏ cô đặc quanh vùng hỗ trợ, cho thấy chỉ số có thể đang tạo nền ổn định trở lại và có thể sớm hướng lên thử thách lại ngưỡng kháng cự 286 điểm (MA20). Nhìn chung, thị trường vẫn giữ được xu hướng tăng với phiên giảm điểm 11/5 có thể chỉ mang tính rung lắc kỹ thuật. Do đó, nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp rung lắc để tái cơ cấu danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và đang hướng được dòng tiền mạnh.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ROS	6.6	28,923.8	7.0%
TMT	9.0	12.8	6.9%
PXT	2.2	382.6	6.9%
SVC	82.3	0.1	6.9%
FUCTVGF2	17.1	0.1	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HAS	14.0	4.3	-7.0%
ABS	42.2	47.1	-6.9%
CIG	7.0	48.1	-6.9%
PTC	9.7	8.9	-6.9%
VPS	17.7	81.0	-6.8%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	62.0	1,857.6	-1.6%
VPB	63.0	1,530.3	1.1%
STB	24.7	1,456.9	1.4%
HSG	37.8	996.5	-3.7%
MBB	32.7	829.2	-1.5%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	24.7	58,012.0	1.4%
HPG	62.0	29,660.2	-1.6%
ROS	6.6	28,923.8	7.0%
HSG	37.8	25,817.0	-3.7%
MBB	32.7	25,385.1	-1.5%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DPC	16.5	1.7	10.0%
QST	13.3	0.1	9.9%
NHC	33.3	0.1	9.9%
THS	26.7	0.1	9.9%
BNA	43.7	310.7	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DNC	52.4	0.2	-10.0%
TST	9.7	0.1	-9.3%
CTC	6.8	193.4	-9.3%
TMX	12.1	0.2	-9.0%
NBW	20.4	0.3	-8.9%

Top 5 giá trị

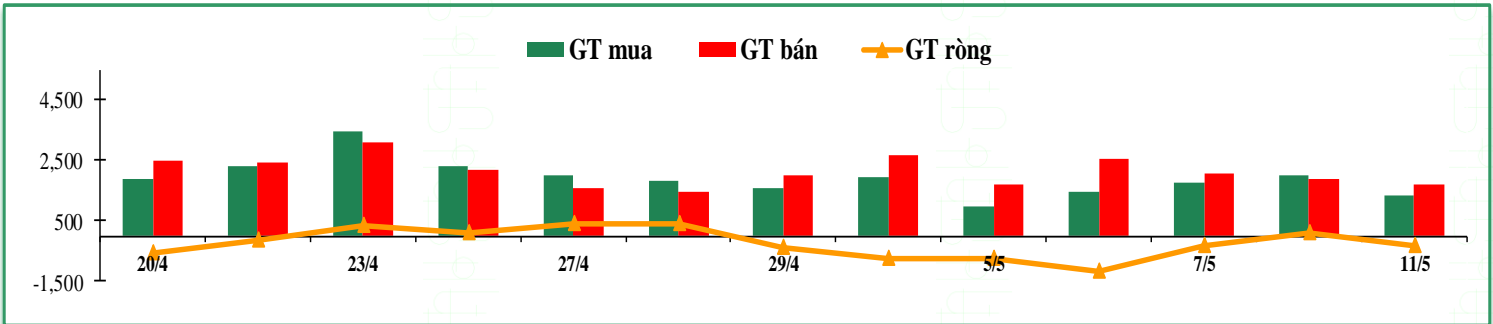
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	23.5	437.4	-2.1%
SHS	29.2	308.7	0.0%
VND	40.5	293.1	-2.4%
THD	189.2	209.4	0.2%
PVS	21.5	198.9	1.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	23.5	18,388.7	-2.1%
SHS	29.2	10,376.2	0.0%
PVS	21.5	9,232.3	1.4%
ART	10.0	7,190.1	0.0%
VND	40.5	7,067.7	-2.4%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,355.0	6.0%	1,649.0	7.3%	-294.0
HNX	14.9	0.6%	33.9	1.5%	-19.0
Tổng số	1,369.9		1,683.0		-313.0



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	63.0	215.5	1.1%
ACB	35.8	108.1	-1.1%
MSB	23.0	99.5	1.5%
VHM	98.0	87.5	-1.1%
STB	24.7	80.9	1.4%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	62.0	246.9	-1.6%
NVL	128.5	203.7	0.0%
ACB	35.8	108.1	-1.1%
VNM	91.2	84.9	-1.9%
VIC	131.0	76.8	-1.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	63.0	174.7	1.1%
MSB	23.0	99.4	1.5%
STB	24.7	45.8	1.4%
HSG	37.8	28.2	-3.7%
VHM	98.0	27.5	-1.1%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BNA	43.7	4.3	9.8%
ART	10.0	1.9	0.0%
MBS	25.7	1.8	0.8%
SHS	29.2	0.9	0.0%
VND	40.5	0.8	-2.4%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	23.5	7.1	-2.1%
SHS	29.2	4.9	0.0%
PAN	24.7	3.7	0.4%
VND	40.5	3.7	-2.4%
MBG	7.4	2.3	1.4%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BNA	43.7	4.3	9.8%
ART	10.0	1.3	0.0%
MBS	25.7	1.3	0.8%
BSI	15.0	0.6	-1.3%
BCC	11.2	0.5	-0.9%

Tin trong nước

Dòng vốn từ Thái Lan chiếm gần một nửa quy mô danh mục VFMVN30 ETF

Số liệu từ Bualuang Securities (Thái Lan) cho biết số lượng chứng chỉ lưu ký (DR) VFMVN30 ETF niêm yết trên Sở GDCK Thái Lan (SET) vào cuối tháng 4/2021 đạt 153,4 triệu đơn vị, tương ứng giá trị hơn 4,6 tỷ Bath (hơn 3.400 tỷ đồng) và đây cũng là lượng DR VFMVN30 ETF lớn nhất kể từ khi thành lập từ đầu năm 2018 tới nay.

Ước tính trong 4 tháng đầu năm, nhà đầu tư Thái Lan đã đổ thêm khoảng 2.000 tỷ đồng vào chứng khoán Việt Nam thông qua DR VFMVN30 ETF và đây cũng là tháng thứ 6 liên tiếp nhà đầu tư Thái mua ròng VFMVN30 ETF, sau giai đoạn rút ròng mạnh trong năm 2020 bởi dịch Covid-19.

Hiện tại, VFMVN30 ETF có quy mô khoảng 8.400 tỷ đồng. Như vậy, lượng chứng chỉ VFMVN30 ETF mà nhà đầu tư Thái Lan nắm giữ thông qua DR ước tính chiếm khoảng 40% quy mô quỹ. Nếu tính cả các quỹ chủ động đang đầu tư vào Việt Nam thì ước tính dòng vốn Thái Lan hiện chiếm gần 50% quy mô danh mục VFMVN30 ETF.

Giá xăng có thể tăng tiếp vào ngày mai

Theo số liệu từ Bộ Công Thương, giá xăng dầu thành phẩm tại thị trường Singapore trong 15 ngày gần đây đã tăng mạnh. Trong đó, bình quân giá xăng thành phẩm trên thị trường Singapore trong 15 ngày với xăng RON 92 (loại để pha chế xăng E5 RON 92) ở mức 74,74 USD. Trong khi xăng RON 95 bình quân 76,84 USD một thùng, tăng 3-4% so với kỳ trước. Giá dầu hỏa và diesel cũng biến động đi lên, riêng dầu hỏa có ngày chạm mức 72,63 USD/thùng.

Trước diễn biến nói trên, dự báo nếu nhà điều hành không sử dụng quỹ bình ổn giá, trong kỳ điều chỉnh vào ngày mai, giá xăng E5 có thể tăng 260 đồng/lít, giá xăng RON 95 tăng hơn 300 đồng/lít. Trong khi giá bán các loại dầu sẽ tăng từ 220-460 đồng/lít.

SSI Research: Lãi suất trên thị trường 2 tăng, thanh khoản khá dồi dào

Lãi suất trên liên ngân hàng tăng thêm 21-32 điểm cơ bản, chốt tuần ở mức 1,15%/năm ở kỳ hạn qua đêm và 1,29% ở kỳ hạn 1 tuần do nhu cầu tăng ở một số ngân hàng thương mại (NHTM) lớn. Tuần trước, lãi suất trên liên ngân hàng cũng tăng 41-48 điểm cơ bản. Trong khi đó, mặt bằng lãi suất tiền gửi và cho vay vẫn không thay đổi trong tuần cuối tháng 4.

Mặt bằng lãi suất vẫn sẽ giữ ổn định ở mức thấp trong quý II do thanh khoản các NHTM vẫn khá dồi dào.

Hiện tại, cung cầu ngoại tệ trong nước khá cân bằng, áp lực quốc tế thấp và chênh lệch lãi suất VND-USD trên liên ngân hàng khá cao (1-1,5%/năm) nên tỷ giá USD/VND niêm yết sẽ vẫn duy trì ổn định.

Nguồn: NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

TCH đăng ký mua 14,8 triệu cổ phiếu HHS

Công ty đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy (HoSE: TCH) thông báo đăng ký mua 14,8 triệu cổ phiếu HHS của Công ty đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (HoSE: HHS) từ ngày 20/5 đến 18/6. Phương thức giao dịch là khớp lệnh hoặc thỏa thuận qua sàn.

Nếu giao dịch thành công, TCH sẽ nâng sở hữu HHS từ 125,5 triệu cổ phiếu lên 140,3 triệu cổ phiếu, tỷ lệ tăng từ 45,67% lên 51,06% vốn.

Mới đây, TCH đăng ký bán toàn bộ 9,7 triệu cổ phiếu quỹ để tăng dòng tiền thực hiện các kế hoạch đầu tư và phát triển kinh doanh trong năm 2021, thời gian giao dịch từ 19/5 đến 17/6.

Năm tài chính 2020-2021 (1/4/2020-31/1/2021), TCH báo cáo doanh thu gấp đôi lên 4.419 tỷ đồng; lãi sau thuế 1.035 tỷ đồng, tăng 64% so với năm trước.

Nam Long trả 125 tỷ đồng cổ tức đợt 2 năm 2020

HDQT CTCP Đầu tư Nam Long (HoSE: NLG) thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt lần 2 năm 2020 cho các cổ đông hiện hữu là 4,38%. Theo đó, tổng số tiền chi trong đợt này là gần 125 tỷ đồng. Ngày chốt danh sách chi trả cổ tức là 19/5 và thời gian thanh toán dự kiến 30/6.

Trước đó, công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 4,53%, tương đương 124,7 tỷ đồng.

Năm 2020, công ty ghi nhận doanh thu thuần khoảng 2.217 tỷ đồng, giảm 13% so với năm trước, vẫn vượt 46% kế hoạch. Lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ cũng giảm 13% so với năm ngoái, đạt 835 tỷ đồng, hoàn thành 102% chỉ tiêu cả năm. Với kết quả kinh doanh này, công ty trả 249,7 tỷ đồng cổ tức bằng tiền mặt và 124,85 tỷ đồng cổ tức bằng cổ phiếu, dự kiến trả sau đại hội cổ đông 2021.

Báo cáo kết quả kinh doanh quý I, công ty ghi nhận doanh thu thuần gần 236 tỷ đồng, giảm 43% so với năm trước, đạt 5% kế hoạch doanh thu. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ gấp 3 lần cùng kỳ, hoàn thành 32% kế hoạch năm, đạt 365,3 tỷ đồng nhờ đánh giá lại việc tăng sở hữu tại công ty Thành phố Waterfront Đồng Nai.

Dragon Capital bán hơn 11 triệu cổ phiếu KBC trong vòng 2 tháng

Norges Bank và Vietnam Enterprise Investments Limited đã bán tổng cộng hơn 2,56 triệu cổ phiếu KBC của Tổng công ty phát triển đô thị Kinh Bắc (HoSE: KBC). Trong đó, Norges Bank bán 562.800 đơn vị và Vietnam Enterprise Investments Limited bán 2 triệu đơn vị.

Tính chung trong vòng 2 tháng qua, nhóm này đã bán tổng cộng 11,4 triệu cổ phiếu KBC, giảm sở hữu từ 10% xuống 7,57%.

Xét về hoạt động kinh doanh, Kinh Bắc báo cáo doanh thu thuần 2.002 tỷ đồng, tăng 260% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ 599 tỷ đồng, gấp 11 lần và là mức cao kỷ lục.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PHR	Mua	12/05/21	52.2	52.2	0.0%	58	11.1%	49.5	-5.2%	Cổ phiếu có cơ hội phục hồi trở lại

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	KBC	Quan sát mua	12/05/21	35.9	42-43	Nền Doji về retest đáy cũ cũng như hỗ trợ quanh 35 -> có cơ hội hồi phục trở lại, cần một nền tảng tốt để xác nhận
2	BMP	Quan sát mua	12/05/21	58.2	62 64	Nền Doji ở quanh vùng hỗ trợ mạnh 56-57 -> có cơ hội hồi phục trở lại, cần một nền tảng tốt để xác nhận
3	MCM	Quan sát mua	12/05/21	53.3	60	Tín hiệu test đáy tích cực nền nhỏ, vol thấp + MACD Histogram tăng trở lại -> có cơ hội tạo đáy và hồi phục trở lại, cần nền tảng vượt 55 để xác nhận

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Mua	20/04/21	85.2	81.5	4.5%	95	16.6%	78.8	-3%	
2	NLG	Mua	26/04/21	38.5	34.95	10.2%	40	14.4%	33.4	-4%	
3	VSC	Mua	28/04/21	48	49.9	-3.8%	55	10%	47	-6%	
4	DGC	Nắm giữ	29/04/21	68.3	60.8	12.3%	71.7	18%	58.2	-4%	
5	MWG	Mua	04/05/21	137.5	140.9	-2.4%	172	22%	134.6	-4%	
6	STB	Mua	05/05/21	24.65	24.1	2.3%	26.3	9%	22.9	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

7	IJC	Mua	06/05/21	25.7	26.25	-2.1%	32.85	25%	24.8	-6%
8	CKG	Mua	07/05/21	16.1	15.5	3.9%	17.1	10%	14.9	-4%
9	BVB	Mua	11/05/21	14.6	14.8	-1.4%	17.6	19%	14.2	-4%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 11/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	8,610	0.1%	234%	29,420	42	85,200	7,065	(1,545)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	7,890	10.2%	426%	19,550	55	85,200	1,823	(6,067)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	4,390	4.8%	339%	35,760	134	30,000	323	(4,067)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2018	1,200	7,970	-2.2%	564%	53,090	3	62,000	8,002	32	KIS	HPG	29,999	4.0	14/05/2021
CHPG2020	410	38,660	-4.5%	9329%	520	50	62,000	36,076	(2,584)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2101	(54)	10,900	4.1%	-20285%	25,190	134	62,000	3,875	(7,025)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	(518)	26,000	-3.7%	-5119%	17,620	55	62,000	21,132	(4,868)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	(982)	15,000	-3.2%	-1627%	34,040	56	62,000	10,069	(4,931)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	(1,446)	11,450	-2.2%	-892%	35,100	55	62,000	5,782	(5,668)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	(1,910)	16,500	-2.1%	-964%	36,280	90	62,000	10,111	(6,389)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CHPG2106	(2,374)	13,300	19.8%	-660%	59,420	108	62,000	6,072	(7,228)	MBS	HPG	50,200	2.0	27/08/2021
CHPG2107	(2,838)	4,090	27.4%	-244%	22,000	93	62,000	769	(3,321)	KIS	HPG	59,368	5.0	12/08/2021
CHPG2108	1,200	2,400	0.0%	100%	2,600	93	62,000	757	(1,643)	KIS	HPG	59,456	5.0	12/08/2021
CKDH2001	(3,302)	2,620	4.0%	-179%	46,130	3	36,800	2,646	26	KIS	KDH	26,222	4.0	14/05/2021
CKDH2002	(3,766)	4,450	14.4%	-218%	52,680	97	36,800	2,406	(2,044)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	(4,230)	3,860	10.3%	-191%	39,090	134	36,800	780	(3,080)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	(4,694)	6,550	7.4%	-240%	36,960	94	36,800	2,937	(3,613)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	(5,158)	17,110	-1.2%	-432%	20,240	34	32,700	16,732	(378)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	(5,622)	8,420	4.0%	-250%	71,310	56	32,700	3,393	(5,027)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	(6,086)	1,870	14.0%	-131%	7,480	93	32,700	40	(1,830)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2009	(6,550)	3,980	-0.5%	-161%	28,870	3	101,500	3,991	11	KIS	MSN	61,999	9.9	14/05/2021
CMSN2101	(7,014)	3,830	10.1%	-155%	12,480	134	101,500	297	(3,533)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	(7,478)	3,720	10.4%	-150%	12,420	134	101,500	89	(3,631)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	(7,942)	7,620	18.3%	-196%	29,900	94	101,500	2,350	(5,270)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	(8,406)	25,350	-0.8%	-402%	820	50	137,500	20,891	(4,459)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2016	(8,870)	3,740	7.2%	-142%	62,250	30	137,500	2,969	(771)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	(9,334)	4,310	12.0%	-146%	28,250	56	137,500	2,089	(2,221)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	(9,798)	7,650	9.3%	-178%	50,090	83	137,500	3,641	(4,009)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	(10,262)	3,500	9.4%	-134%	45,990	55	137,500	965	(2,535)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	(10,726)	6,900	16.0%	-164%	26,740	(50)	137,500	(155)	(7,055)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	(11,190)	6,700	7.2%	-160%	45,230	108	137,500	1,173	(5,527)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	(11,654)	6,580	-2.2%	-156%	77,600	31	128,500	6,529	(51)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	(12,118)	4,800	4.8%	-140%	28,360	134	128,500	3,235	(1,565)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CPNJ2101	(12,582)	2,850	14.0%	-123%	33,270	56	94,000	1,642	(1,208)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	(13,046)	5,600	1.6%	-143%	28,230	83	94,000	2,883	(2,717)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	(13,510)	4,110	3.0%	-130%	15,800	38	94,000	3,075	(1,035)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	(13,974)	3,880	-7.4%	-128%	53,750	56	54,900	1,765	(2,115)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	(14,438)	2,860	10.0%	-120%	59,630	134	20,150	13	(2,847)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	(14,902)	6,990	5.1%	-147%	51,750	16	24,650	6,831	(159)	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	(15,366)	6,850	8.6%	-145%	67,120	31	24,650	6,336	(514)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	(15,830)	12,840	3.1%	-181%	42,390	34	24,650	12,674	(166)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	(16,294)	7,220	11.3%	-144%	27,860	134	24,650	1,549	(5,671)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	(16,758)	8,000	4.2%	-148%	32,630	24	24,650	6,675	(1,325)	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	(17,222)	8,250	10.0%	-148%	70,380	90	24,650	3,373	(4,877)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	(17,686)	10,980	18.1%	-162%	53,750	108	24,650	2,204	(8,776)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	(18,150)	25,770	-2.5%	-242%	15,310	80	47,000	25,103	(667)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	(18,614)	21,400	-4.5%	-215%	18,940	147	47,000	16,268	(5,132)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	(19,078)	8,800	-4.4%	-146%	47,720	56	47,000	5,559	(3,241)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	(19,542)	9,910	-3.5%	-151%	53,090	90	47,000	5,844	(4,066)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	(20,006)	8,670	23.5%	-143%	11,320	108	47,000	1,292	(7,378)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2001	(20,470)	130	-27.8%	-101%	129,530	3	22,100	(0)	(130)	KIS	TCH	22,888	3.9	14/05/2021
CTCH2003	(20,934)	2,630	6.1%	-113%	61,880	97	22,100	96	(2,534)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	(21,398)	3,370	9.4%	-116%	20,010	134	22,100	141	(3,229)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	(21,862)	3,950	19.7%	-118%	51,230	94	22,100	89	(3,861)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	(22,326)	2,150	20.8%	-110%	30,000	93	22,100	0	(2,150)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	(22,790)	2,650	-8.0%	-112%	74,920	31	98,000	927	(1,723)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	(23,254)	3,680	6.1%	-116%	26,500	134	98,000	102	(3,578)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	(23,718)	3,980	2.1%	-117%	49,530	56	98,000	1,129	(2,851)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	(24,182)	2,850	4.8%	-112%	21,130	24	98,000	513	(2,337)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	(24,646)	4,200	4.5%	-117%	55,460	90	98,000	321	(3,879)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	(25,110)	5,560	18.1%	-122%	45,460	94	98,000	119	(5,441)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVHM2106	(25,574)	3,340	26.0%	-113%	39,760	93	98,000	2	(3,338)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	(26,038)	3,400	1.5%	-113%	22,830	31	131,000	2,433	(967)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	(26,502)	4,250	6.3%	-116%	25,840	134	131,000	407	(3,843)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	(26,966)	4,350	0.9%	-116%	17,050	24	131,000	3,114	(1,236)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVJC2006	(27,430)	1,150	-2.5%	-104%	17,870	31	119,000	405	(745)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	(27,894)	1,300	-9.7%	-105%	57,000	31	91,200	(0)	(1,300)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	(28,358)	3,010	11.9%	-111%	50,880	134	91,200	0	(3,010)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	(28,822)	2,800	-2.4%	-110%	59,600	56	91,200	0	(2,800)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	(29,286)	3,050	0.0%	-110%	38,830	38	91,200	0	(3,050)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	(29,750)	4,500	16.9%	-115%	31,290	125	91,200	41	(4,459)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVPB2015	(30,214)	37,090	1.3%	-223%	14,300	80	63,000	37,122	32	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	(30,678)	14,200	0.7%	-146%	16,260	56	63,000	13,061	(1,139)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	(31,142)	13,600	1.1%	-144%	7,410	24	63,000	13,775	175	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	(31,606)	14,700	-1.7%	-147%	81,210	90	63,000	13,346	(1,354)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	(32,070)	10,200	16.3%	-132%	11,530	108	63,000	4,776	(5,424)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2009	(32,534)	680	-12.8%	-102%	104,860	16	31,000	40	(640)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	(32,998)	1,260	-5.3%	-104%	29,800	31	31,000	23	(1,237)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	(33,462)	8,300	-2.0%	-125%	31,490	80	31,000	3,676	(4,624)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	(33,926)	3,220	-2.4%	-109%	15,280	134	31,000	127	(3,093)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	(34,390)	2,720	2.6%	-108%	60,850	56	31,000	334	(2,386)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	(34,854)	2,940	0.0%	-108%	39,300	90	31,000	177	(2,763)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	(35,318)	4,900	0.0%	-114%	30,530	94	31,000	105	(4,795)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
KDH	(New) HOSE	36,800	39,000	11/05/2021	1,174	2,157	17,973	14%	8%	18.6	2.2	0%
VCB	(New) HOSE	97,900	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB	(New) HOSE	35,800	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB	(New) HOSE	47,000	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG	(New) HOSE	17,000	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP	HOSE	58,200	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
VNM	HOSE	91,200	128,000	04/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
CTD	HOSE	59,200	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
STK	HOSE	33,000	41,000	28/04/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
DHG	HOSE	98,200	100,400	28/04/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
PNJ	HOSE	94,000	116,000	27/04/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
HPG	HOSE	62,000	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT	HOSE	85,200	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS	HNX	23,300	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC	HOSE	37,000	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
DGW	HOSE	124,000	103,700	13/04/2021	425	9,881	35,452	28%	11%	10.5	2.8	20%
VHC	HOSE	36,400	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
ACV	UPCOM	71,300	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
MSN	HOSE	101,500	110,800	08/04/2021	2,209	1,890	16,195	13%	2%	58.7	6.9	-
ANV	HOSE	22,300	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
REE	HOSE	54,900	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
PLX	HOSE	53,000	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT	HOSE	20,150	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
MPC	UPCOM	35,800	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
FMC	HOSE	31,200	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
GVR	HOSE	25,250	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

QNS		UPCOM	39,000	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
VRE		HOSE	31,000	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
TCM		HOSE	103,600	66,000	11/03/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	12.5	2.0	-
MWG		HOSE	137,500	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	9%	14.0	3.4	15%
GAS		HOSE	85,300	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	53,000	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
GMD		HOSE	36,600	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
NLG		HOSE	38,500	39,000	24/02/2021	966	3,763	26,600	14%	7%	10.4	1.5	5%
TNG		HOSE	20,300	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	75,900	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	15,400	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	18,200	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
IMP		HOSE	72,500	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10%	18.9	2.3	20%
FRT		HOSE	27,000	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	1%	62.0	1.4	10%
VHM		HOSE	98,000	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
SAB		HOSE	152,200	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
LHG		HOSE	38,900	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
PHR		HOSE	52,200	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
CTR		UPCOM	79,900	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,300	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.